**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: CÔNG NGHỆ, LỚP: 7, THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | |  |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian**  (phút) | **%**  **Tổng điểm** |
| **Số câu** | **Thời gian**  (phút) | **Số câu** | **Thời gian**  (phút) | **Số câu** | **Thời gian**  (phút) | **Số câu** | **Thời gian**  (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1. Phương thức chăn nuôi | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5** |
| **2** | **Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi | 1 | 1,5 | 1 | 3 |  |  |  |  | 2 |  | 4,5 | **10** |
| 2.2. Phòng trị bệnh cho vật nuôi |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5** |
| **3** | **Thủy sản** | 3.1. Giới thiệu về thủy sản | 1 | 1,5 | 1 | 3 |  |  |  |  | 2 |  | 4,5 | **10** |
| 3.2. Nuôi thuỷ sản | 2 | 3,0 | 1 | 3 | 1 | 10 |  |  | 3 | 1 | 16 | **35** |
| 3.3. Thu hoạch thủy sản |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5** |
| 3.4. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản | 3 | 4,5 | 1 | 3 |  |  | 1 | 5 | 4 | 1 | 12,5 | **30** |
| **Tổng** | | | **8** | **12** | **6** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **14** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **100** |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |  |

**Lưu ý:** Thời gian cho câu hỏi trắc nghiêm: Nhận biết 1,5 phút, Thông hiểu 3 phút

Điểm cho câu hỏi trắc nghiệm (Nhận biết + Thông hiểu): 0,5 điểm/câu đúng. Điểm cho câu hỏi tự luận (Vận dụng) là 2 điểm; Điểm cho câu hỏi tự luận (Vận dụng cao) là 1 điểm.

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2**

**MÔN: CÔNG NGHỆ, LỚP: 7, THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I.Chăn nuôi** | **I.1. Mở đầu về chăn nuôi** | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | **1** |  |  |  |
|  | **I.2. Nuôi dưỡng,**  **chăm sóc và phòng, trị bệnh**  **cho vật nuôi** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. * Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | **1** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. * So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  | **1** |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. * Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi.   **Vận dụng:**  Vận dụng được kiến thức phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn gia đình, địa phương. |  | **1** |  |  |
| 2 | **II. Thuỷ sản** | ***2.1. Giới thiệu về thủy sản*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của thuỷ sản. | **1** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. |  | **1** |  |  |
| ***2.2. Nuôi thuỷ sản*** | **Nhận biết:**   * Nêu được quy trình nuôi một loại thủy sản phổ biến. * Trình bày được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. * Nêu được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến. * Trình bày được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến. * Nêu được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho cho một loại thủy sản phổ biến. | **1** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. * Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến. * Giải thích được kĩ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến.   Giải thích được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thủy sản phổ biến. |  | **2** |  |  |
| **Thông hiểu:**  **-** Phân biệt được một số kĩ thuật thu hoạch thủy sản phổ biến. |  | **1** |  |  |
|  |  | ***2.3. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản*** | **Nhận biết:**   * Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản. | **3** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Giải thích được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản. |  | **1** |  |  |
| **Vận dụng cao:**  Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản của địa phương. |  |  |  | **1** |
| **Tổng** | | |  | **7** | **7** | **1** | **1** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT …..**  **TRƯỜNG THCS...............** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn công nghệ lớp 7**  *Thời gian 45 phút không kể thời gian giao đề)* |

**Họ và tên**:……………………....…….......**Lớp:** ………………………………........

**A. Trắc nghiệm (7 điểm)**

*Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất trong các câu hỏi sau:Từ câu 1- câu 28*

**Câu 1:** Có mấy phương thức chăn nuôi ở nước ta?

**A**. Có 2 phương thức **B**. Có 3 phương thức

**C**. Có 4 phương thức **D**. Có 5 phương thức

**Câu 2.** Các công việc cần làm để nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi là:

**A**. Nuôi dưỡng **B**. Chăm sóc

**C**. Phòng trị bệnh **D**. Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trị bệnh

**Câu 3:** Phương pháp nào dưới đâykhông phù hợp với nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non?

**A**. Nuôi vật nuôi mẹ tốt. **B**. Kiểm tra năng suất thường xuyên.

**C**. Giữ ấm cơ thể. **D**. Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.

**Câu 4.** Biện pháp nào dưới đây không đúng khi phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

**A.** Bán hoặc mổ thịt vật nuôi ốm. **B**. Tiêm phòng đầy đủ vắc xin.

**C**. Vệ sinh môi trường sạch sẽ. **D**. Cách li vật nuôi bị bệnh với vật nuôi khỏe.

**Câu 5:** Phát biểu nào dưới đây **Sai** khi nói về vai trò của thủy sản:

**A**. Cung cấp thực phẩm cho con người.

**B**. Cung cấp nguyên liệu cho ngành dược mĩ phẩm.

**C**. Hàng hóa xuất khẩu.

**D**. Làm vật nuôi cảnh.

**Câu 6:** Trong các loài cá sau, loài nào không được coi là quý hiếm cần được bảo vệ?

**A**. Cá Chẽm. **B**. Cá Rô Phi. **C**. Cá Lăng. **D**. Cá Chình.

**Câu 7:** Quy trình nuôi cá chép là:

**A**. Chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước; thả cá giống; chăm sóc quản lý; thu hoạch cá.

**B**. Chăm sóc quản lý; chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước; thả cá giống; thu hoạch cá.

**C**. Thả cá giống; chăm sóc quản lý; thu hoạch cá; chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước.

**D**. Chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước; thu hoạch cá; thả cá giống; chăm sóc quản lý.

**Câu 8.** Cá chép làm giống cần đảm bảo yêu cầu.

**A**. Cá to. **B**. Cá nhỏ vừa phải.

**C**. Cá đắt tiền.  **D.** Khoẻ mạnh, không chứa mầm bệnh, có nguồn gốc rõ ràng.

**Câu 9.** Khi phát hiện tôm, cá có biểu hiện như bệnh xuất huyết, bệnh trùng nấm da… cần phải làm gì?

**A.** Thu hoạch **B**. Xác định nguyên và dùng thuốc trị bệnh

**C**. Thay nước ao nuôi **D**. Cho uống thuốc

**Câu 10**. Nước có màu đen, mùi thối có nghĩa là:

**A**. Nước chứa nhiều thức ăn, đặc biệt là thức ăn dễ tiêu.

**B**. Nước nghèo thức ăn tự nhiên.

**C**. Chứa nhiều khí độc như mêtan, hyđrô sunfua.

**D**. Nước có thể cho vật nuôi thuỷ sản sinh sống tốt.

**Câu 11.** Xử lý cá nổi đầu và bệnh tôm cá vào thời điểm:

**A**. Buổi sáng lúc nhiệt độ xuống thấp. **B**. Buổi chiều.

**C**. Buổi trưa. **D**. Buổi sáng lúc nhiệt độ lên cao.

**Câu 12.** Có mấy phương pháp thu hoạch tôm, cá?

**A**. 2 **B**. 3 **C**. 4 **D**. 5

**Câu 13:** Biện pháp nào dưới đây **Không** phải để giảm bớt độc hại cho thủy sản và cho con người?

**A**. Mở rộng khu nuôi để giảm nồng độ ô nhiễm.

**B**. Ngăn cấm hủy hoại các sinh cảnh đặc trưng.

**C**. Quy định nồng độ tối đa các hóa chất, chất độc có trong môi trường thủy sản.

**D**. Sử dụng phân hữu cơ đã ủ, phân vi sinh, thuốc trừ sâu hợp lý.

**Câu 14:** Nếu như đang nuôi tôm, cá mà môi trường nước bị ô nhiễm thì phải xử lý như thế nào?

**A.** Ngừng cho ăn, tăng cường sục khí. **B**. Tháo nước cũ, bơm nước sạch.

**C**. Cả A và B đều đúng. **D**. Cả A và B đều sai.

**Câu 15.** Bệnh nào dưới đây do các vi sinh vật gây ra?

A. Bệnh giun, sán. C. Bệnh gà rù.

B. Bệnh cảm lạnh. D. Bệnh ve, rận.

**Câu 16.** Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?

A. Bệnh viêm dạ dày. B. Bệnh giun đũa ở gà.

C. Bệnh ghẻ. D. Bệnh dịch tả lợn châu Phi

**Câu 17.** Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là

A. do thời tiết không phù hợp. B. do chuồng trại không phù hợp.

C. do thức ăn không đảm bảo vệ sinh. D. do vi khuẩn và virus.

**Câu 18.** Có mấy nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi?

A. do vi khuẩn và virus. B. 3 nguyên nhân chính. C. 5 nguyên nhân chính. D. 6 nguyên nhân chính.

**Câu 19.** Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, hành động nào sau đây của người chăn nuôi là đúng?

A. Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm.

B. Bán ngay khi có thể.

C. Báo ngay cho cán bộ thú y đến khảm để điều trị kịp thời.

D. Tự mua thuốc về điều trị.

**Câu 20.** Sản phẩm nào sau đây không được chế biến từ thuỷ sản?

 A. Ruốc cá hồi.               B. Xúc xích.                    C. Cả thu đóng hộp.           D. Tôm nõn.

**Câu 21.** Loại động vật nào sau đây không phải là động vật thuỷ sản?

 A. Tôm.                           B. Cua đồng.                    C. Rån.                                D. Ốc.

**Câu 22.** Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của nuôi thuỷ sản đối với con người.

A. Cung cấp nguồn thức ăn giàu tinh bột cho con người.

B. Cung cấp nguồn thức ăn giàu chất đạm cho con người.

C. Cung cấp nguồn thức ăn giàu chất xơ cho con người.

D. Cung cấp môi trường sống trong lành cho con người

**Câu 23.** Khi lấy nước mới vào ao nuôi cá cần chú ý vấn đề nào sau đây?

A. Lọc nước qua túi lưới nhằm tránh không cho cá tạp vào ao.

B. Khử trùng nước trước khi lấy nước vào ao.

C. Lọc nước qua túi lưới nhằm tránh không cho các vi sinh vật gây bệnh vào ao.

D. Sử dụng 50% nước cũ và 50% nước mới.

**Câu 24.** Rắc vôi bột vào đáy ao có tác dụng gì?

A. Cải tạo độ mặn cho nước ao.

B. Tạo độ trong cho nước ao.

C. Tiêu diệt các mầm bệnh có trong đáy ao.

D. Tăng lượng vi sinh vật trong đáy ao để làm thức ăn cho cá.

**Câu 25.** Vào mùa hè, nên thả cá giống vào ao nuôi vào thời điểm nào trong ngày là tốt nhất?

A. Buổi sáng sớm hoặc buổi trưa.

B. Buổi trưa hoặc buổi chiều mát.

C. Buổi chiều mát hoặc buổi tối.

D. Buổi sáng sớm, buổi chiều mát hoặc buổi tối.

**Câu 26.** Thả cá giống vào ao theo cách nào sau đây là đúng?

A. Ngâm túi đựng cá giống trong nước ao từ 15 phút đến 20 phút trước khi thả.

B. Đổ cả túi cá xuống ao cùng lúc.

C. Bắt từng con cá giống thả xuống ao.

D. Ngâm túi đựng cá giống trong nước sục oxygen từ 15 phút đến 20 phút trước khi thả.

**Câu 27.** Nhiệt độ nước thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của đa số các loài cả là

A. từ 15 °C đến 20 °C. B. từ 20 °C đến 25 °C.

C. từ 25 °C đến 28 °C. D. từ 29 °C đến 32 °C.

**Câu 28.** Độ trong thích hợp của nước ao nuôi cá ở khoảng nào sau đây?

A. từ 15 cm đến 20 cm.                                         C. từ 30 cm đến 40 cm.

B. từ 20 cm đến 30 cm.                                          D. từ 40 cm đến 50 cm.

**B. Tự luận (3.0 điểm)**

**Câu 1*.(****2.0 điểm***)** Gia đình có nuôi 1 đàn gà. Em hãy sẽ làm gì để gà sinh trưởng, phát triển tốt và đạt năng suất cao?

**Câu 2**.(*1.0 điểm*)Em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo vệ môi trường nước nuôi thủy sản?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. Trắc nghiệm (7.0 điểm): Mỗi ý đúng được 0,5 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **ĐA** | B | D | B | A | D | B | A | D | B | C | D | A | A | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **ĐA** | C | D | D | A | C | B | C | B | A | C | D | A | C | B |

**B. Tự luận (3.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Điểm** |
| 1  *2,0 điểm* | Một số biện pháp giúp gà sinh trưởng, phát triển tốt và đạt năng suất cao:  - Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ  - Cho gà ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng  - Tiêm vắc xin phòng bệnh cho gà  - Khi gà bị bệnh nên cách li với những vật nuôi khỏe mạnh… | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 2  *1,0 điểm* | Biện pháp bảo vệ môi trường nước nuôi thủy sản:   * Không vứt rác, chất thải bừa bãi xuống nước * Hạn chế sử dụng kháng sinh, hóa chất để phòng trị bệnh cho vật nuôi… | 0,5  0,5 |

**Lưu ý**: HS trả lời biện pháp khác nhưng đúng thì vẫn cho điểm tối đa